

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 29 - 12 - 2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lài

Ông Phạm Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2023 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 659/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Tạ Quang D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số F T, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ hiện tại: Tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bi đơn: Bà **Lê Ngọc P**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số C, Khu V, đường L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Có mặt

Người có quyền và lợi ích cần được bảo vệ: Cháu Tạ Lê Hoàng Y (nữ), sinh ngày 02/01/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông **Tạ Quang D** trình bày, yêu cầu: Ông và bà **Lê Ngọc P** tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/2016 ngày 17/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng một thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên ông và bà **P** đã ly thân nhiều năm. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu

được ly hôn với bà Lê Ngọc P. Vợ chồng chồng có 1 (Một) con chung tên Tạ Lê Hoàng Y, sinh ngày 02/01/2018 (giới tính nữ) đang sống cùng bà P. Nay ông Tạ Quang D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thủy giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Lê Ngọc P.

- Về con chung: Đồng ý giao con chung tên Tạ Lê Hoàng Y, sinh ngày 02/01/2018 (giới tính nữ) cho bà Lê Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho kể từ khi án có hiệu lực đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn nên ông D có văn bản đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Lê Ngọc P nêu ý kiến tại bản tự khai ngày 01/12/2023 như sau: Đồng ý ly hôn với ông D. Bà đồng ý trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng mà ông D nêu ra. Giữa bà và ông D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có văn bản nêu ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và đồng ý giao con cho bị đơn nuôi dưỡng nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Ông Tạ Quang D và bà Lê Ngọc P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, thành phố Cần Thơ, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/2016 ngày 17/3/2016 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn, cũng như ý kiến của bị đơn thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Nhưng một thời gian sau thì giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại, ông bà không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân hơn 05 năm nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có ý chí yêu cầu được ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

[3] Về con chung: Giữa ông D và bà P có 01 con chung tên Tạ Lê Hoàng Y (giới tính nữ), sinh ngày 02/01/2018. Ông D mong muốn giao con chung cho bà Lê Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/tháng đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà P cũng thống nhất với yêu cầu của ông D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung thì tách ra giải quyết trong vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tạ Quang D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Quang D.

- Về hôn nhân: Cho ông Tạ Quang D ly hôn với bà Lê Ngọc P.

- Về con chung: Giao con chung tên Tạ Lê Hoàng Y (nữ), sinh ngày 02/01/2018 cho bà Lê Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung thì tách ra giải quyết trong vụ án khác.

2. Án phí:

Ông Tạ Quang D phải chịu **300.000** đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con chung. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002306 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ thành án phí phải nộp. Ông D phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- TAND TPCT;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- UBND phường Bình Thủy,
thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên